

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 16/9/ 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Trung

- Ông Đinh Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- DS, ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thuyết Anh – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Sóc, sinh năm 1985

Đơn vị công tác: Hội liên hiệp phụ nữ xã Thanh An, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, tại bản tự khai ngày 10/6/2021 của nguyên đơn bà Đinh Thị H và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết, bà Đinh Thị N có vay tiền của bà Đinh Thị H nhiều lần với tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Cụ thể những lần vay như sau: Ngày 28/2/2017 vay 30.000.000 đồng; ngày 01/4/2017 vay 30.000.000 đồng; ngày 07/11/2018 vay 70.000.000 đồng; ngày 17/12/2018 vay 100.000.000 đồng; ngày 18/7/2019 vay 60.000.000 đồng; ngày 09/01/2019 vay 50.000.000 đồng. Mục đích vay để làm ăn kinh tế nhưng đến hạn bà Đinh Thị N không trả nợ cho bà Đinh Thị H, nhiều lần bà H đòi nợ, bà N hứa hẹn nhưng không trả. Bà Đinh Thị H yêu cầu bà Đinh Thị N trả cho bà H số tiền nợ gốc 340.000.000 đồng, không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

** Bị đơn bà Đinh Thị N:* Tòa án đã tổng đạt các thủ tục hợp lệ nhưng bà N không đến Tòa, không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*

- Về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định tại các điều 26, 35, 39, 48, 51, 68, 97, 147, 177, 178, 179 khoản 1 Điều 203 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các điều 70, 71, Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị H, buộc bà Đinh Thị N trả cho bà Đinh Thị H số tiền gốc 340.000.000 đồng; buộc bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ:* Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà Đinh Thị H và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp có căn cứ xác định: Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 18/7/2019 bà Đinh Thị N nhiều lần vay tiền của Bà Đinh Thị H với tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Bị đơn bà Đinh Thị N đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bà N, nhưng bà N không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa để đưa ra chứng cứ và trình bày ý kiến của mình. Do đó, bà H yêu cầu bà N trả nợ tiền vay cho bà H là có cơ sở chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 464, 465, 466, 469 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền vay gốc là 340.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị N trả nợ theo hợp đồng vay tài sản thì bà N đang cư trú tại thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Đinh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà Đinh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Đinh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà H số tiền gốc đã vay là 340.000.000 đồng, không yêu cầu bà N trả lãi.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà Đinh Thị H và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Tại các giấy mượn tiền ngày 28/2/2017 số tiền mượn 30.000.000 đồng; ngày 01/4/2017 số tiền mượn là 30.000.000 đồng; ngày 07/11/2018 số tiền mượn là 70.000.000 đồng; ngày 17/12/2018 số tiền mượn là 100.000.000 đồng; ngày 18/7/2019 số tiền mượn là 60.000.000 đồng; ngày 09/01/2019 số tiền mượn là 50.000.000 đồng. Tất cả các giấy mượn tiền này theo bà Đinh Thị H trình bày thì phần chữ ký và chữ viết dưới tên người mượn tiền là do bà Đinh Thị N viết và ký. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bà N, nhưng bà N không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị N phải trả cho bà 340.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với bị đơn do không có ý kiến trình bày cũng như không đến Tòa để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết thì thấy rằng: Sau khi bà Đinh Thị N vay tiền của bà Đinh Thị H với tổng số tiền 340.000.000 đồng. Đã nhiều lần bà H đòi nợ nhưng bà N không chịu trả cho bà H, và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà N đã trả nợ cho bà H. Do đó, căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà N phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 340.000.000 đồng cho bà H là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 340.000.000 đồng x 5% = 17.000.000 đồng. Bà Đinh Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H.
2. Buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền 340.000.000đ (ba trăm, bốn mươi triệu đồng).
3. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Bà Bùi Thị Thuyết Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô

